TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2024/DS-ST.
Ngày: 28 - 9 - 2024.
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Viễn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Hùng Em

2. Ông Hồ Ngọc Thành

- Thư ký phiên toà: Ông Đào Hửu Có, Thư ký HùngToà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thuần, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24/9/2024, 28/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2024/TLST-DS ngày 04/5/2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2024/QĐXXST-DS ngày 06/9/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2024/QĐST-DS ngày 24/9/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Văn S, sinh năm 1968

Địa chỉ: khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Võ Thị Khánh L, sinh năm 1983

Địa chỉ: khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Văn C, sinh năm 1967;

Phạm Thị Bạch H, sinh năm 1970 (vợ ông C)

Người đại diện theo ủy quyền của bà H là Nguyễn Văn C, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

(Ông S, bà L có mặt; ông C, bà H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện trình bày: do quen biết, nên có cho vợ chồng bị đơn ông Nguyễn Văn C và Phạm Thị Bạch H vay tiền nhiều lần, hứa 30 ngày trả, nên tin tưởng và đồng ý cho vay, cụ thể: Lần 01 đưa tiền mặt cho vợ chồng ông C tại nhà riêng ông C, bà H số tiền 25.000.000đ; Lần 02 chuyển khoản ngày 21/3/2023, số tiền 20.000.000đ; Lần 3 chuyển khoản ngày 11/4/2023 số tiền 45.000.000đ. Tổng cộng 90.000.000 đồng, nhưng đến nay không trả. Do đó khởi kiện yêu cầu ông C và bà H liên đới trả số tiền 90.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn cho là vay lần 01 số tiền 25.000.000đ đưa bằng tiền mặt, không có chứng cứ chứng minh nên không yêu cầu giải quyết và đồng ý ông C trả được 10.000.000đ. Do đó, xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông C, bà H liên đới trả số tiền 55.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

- Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Văn C, đồng thời ông C người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Bạch H trình bày: Do quen biết, giúp đở hổ trợ nhiều việc, nên vào tháng 3/2023 có hỏi mượn tiền của ông S và ông S đồng ý chuyển khoản 02 lần, lần 01 ngày 21/3/2023 số tiền 20.000.000đ, lần 02 ngày 11/4/2023 số tiền 45.000.000đ, thời gian hứa trả là 01 tháng. Do quá hạn nên ông S có đòi nhiều lần, nên ngày 20/5/2023 có trả cho ông sàng 55.000.000đ tại nhà, do tin tưởng nên không kêu ông S làm biên nhận, đến ngày 29/6/2023 chuyển khoản cho ông S số tiền 10.000.000đ, nên không còn nợ. Do đó không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định. Về ý kiến giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông C, bà H liên đới trả số tiền vay gốc 55.000.000đồng cho ông S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đương sự tranh chấp về hợp đồng dân sự và bị đơn có địa chỉ tại huyện T, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại các Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn giảm số tiền khởi kiện, chỉ yêu cầu ông C, bà H trả số tiền vay gốc là 55.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, sự thay đổi trên là tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho phía bị đơn, nghĩ nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Các đương sự thống nhất vay với hình thức chuyển khoản, số tiền 02 lần là 65.000.000 đồng và ngày 29/6/2024 chuyển khoản trả 10.000.000đ Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy: Bị đơn cho là đã trả ngày 20/5/2023 số tiền 55.000.000đồng, không làm biên nhận, không có chứng cứ chứng minh, tại phiên tòa, nguyên đơn không thừa nhận.

Tuy nhiên, bị đơn cho là ngày 28/6/2023 ông S có nhắn tin số tài khoản qua Zalo để cho ông C chuyển khoản trả nợ, thì ngày 29/6/2023 ông C đã chuyển cho ông S 10.000.000đ và nhắn tin lại với nội dung*: "Vừa chuyển trã đủ cho anh 10tr, không còn nợ, nhận k đc thông báo lại liền, làm thinh là nhận đủ tiền nha anh Lê Văn S – cám ơn anh S nhiều"* và từ ngày 29/6/2023 ông S không tới lui, không điện, nhắn tin, như vậy ông S đã chấp nhận là trả đủ tiền đã mượn 65.000.000đồng, không còn nợ.

Tại phiên tòa, ông S cho là số tiền 65.000.000đ là do vợ chồng ông C vay, nên đã chuyển khoản vào tài khoản của bà H, còn việc ông C mượn 10 triệu là riêng, ông cũng đã chuyển khoản vào tài khoản của ông C trước đó vào ngày 15/3/2023, nhưng qua yêu cầu sao kê sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn thì S1 chỉ cung cấp số tiền và ngày giao dịch, không cung cấp số tài khoản, nên không có chứng cứ chứng minh việc ông C vay 10 triệu đồng cho Tòa án, nên ông đồng ý vợ chồng ông C đã trả 10.000.000 đồng theo tin nhắn bằng Zalo như trên.

Qua giải thích tại phiên tòa, thì ông S cho là không có chứng minh việc cho ông C vay tiền 10.000.000đ là khoản vay khác và cũng không yêu cầu Tòa án dừng phiên tòa để thu thập chứng cứ này.

Như vậy, việc ông C, bà H cho là trả số tiền 55.000.000đồng là không có cơ sở. Còn về tin nhắn có nội dung "*không còn nợ*" là chính do ông C nhắn, ông S không trả lời, không có nghĩa là ông S đồng ý. Bản thân ông C là người vay tiền, việc nhắn tin là quyền của ông nhưng không được phản hồi lại của ông S là người cho vay tiền. Đáng lý, nếu ông S không trả lời lại thì ông C phải gặp, trao đổi với ông S bằng nhiều hình thức khác để tất toán các khoản nợ vay nhưng ông C không thực hiện.

Trong vụ án này ông C có nghĩa vụ chứng minh là trả xong nợ nhưng không chứng minh được, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của ông C. Do đó, xác định ông C, bà H còn nợ ông S số tiền 55.000.000đ, nên buộc ông C, bà H phải có trách nhiệm trả cho ông S số tiền 55.000.000đồng là có cơ sở.

[5] Từ nhận định trên, nên chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, ông C, bà H có trách nhiệm trả tiền thì phải chịu án phí là 55.000.000đ x 5% = 2.750.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 141, 147 và 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Văn S.

- Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị Bạch H có trách nhiệm liên đới trả số tiền 55.000.000đồng (năm mươi lăm triệu đồng) cho ông Lê Văn S.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị Bạch H phải liên đới nộp 2.750.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Lê Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông S số tiền tạm ứng dân sự sơ thẩm đã nộp 2.250.000đồng theo biên lai thu số 0005793 ngày 02/5/2024 (do Phạm Thị Thúy H1 nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, người yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Tam Nông;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA